

UBND HUYỆN BÁT XÁT
TRƯỜNG TH&THCS BẢN QUA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025 (Tháng 1/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Tiểu học và trung học cơ sở Bản Qua

Tên trước đây: Trường trung học cơ sở xã Bản Qua

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát

Địa chỉ: Thôn Tân Hồng – xã Bản Qua – Huyện Bát Xát – Tỉnh Lào Cai

Tỉnh/thành phố	Lào Cai	Họ và tên hiệu trưởng (giám đốc)	Bùi Thị Hồng Mơ
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Bát Xát	Điện thoại	0384600857
Xã/phường/thị trấn	Bản Qua	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	http://thcsbanqua.batxat.edu.vn
Năm thành lập	25/8/2000	Số điểm trường	
Công lập	X	Loại hình khác	

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

*** Tầm nhìn**

"Là một trong những trường có chất lượng của huyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công. Giáo dục học sinh có nhân cách, có trí lực mạnh mẽ, có thể chất mạnh khỏe, có kỹ năng sống, có tư duy sáng tạo"

*** Sứ mệnh**

Xây dựng trường có môi trường học tập năng động, hiện đại, phát huy tiềm năng, sở trường, tính sáng tạo và năng lực tư duy của mỗi học sinh".

*** Hệ thống giá trị của trường**

Tinh thần trách nhiệm. Lòng nhân ái T.ình đoàn kết. Sự hợp tác, sáng tạo
Tinh trung thực. Khát vọng vươn lên.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

- Trường TH&THCS Bản Qua được sáp nhập vào 01/01/2025 từ hai trường: TH Bản Qua và THCS Bản Qua. Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường được Phòng GD&ĐT Huyện Bát Xát, Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai, Đảng ủy và chính

quyền địa phương và các cấp lãnh đạo tỉnh, thành phố luôn quan tâm theo dõi, giúp đỡ và chỉ đạo sát sao.

- Trong những năm qua, nhà trường đã tạo được những chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo. Hàng năm nhà trường đều huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học ra lớp, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS trung bình 97,5%. Tỷ lệ chuyên cần đạt 99,7 đến 99.8%. Duy trì bền vững PCGD THCS.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và giáo dục, yên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm cao. 100% cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng, có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Chữ thập đỏ. Các tổ chức, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ và hoạt động dưới sự lãnh chỉ đạo của Chi bộ Đảng và Ban giám hiệu nhà trường.

- Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư cải thiện.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, sự ủng hộ đồng thuận cao của cha mẹ học sinh, sự phối hợp giúp đỡ của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Hầu hết học sinh có mục tiêu, nền nếp, ý thức học tập tốt. Tuy nhiên mặt bằng dân trí, kinh tế của địa phương không đồng đều; cha mẹ học sinh chủ yếu làm nghề tự do, kinh tế không ổn định, điều kiện quan tâm đến con em chưa thường xuyên, tỉ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mồ côi cha mẹ tương đối cao.

1.4. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Bùi Thị Hồng Mơ

Chức vụ: Hiệu trưởng trường TH&THCS Bản Qua – Huyện Bát Xát – Tỉnh Lào cai

Số điện thoại: 0384600857

Địa chỉ thư điện tử: Buimophinngan@gmail.com

1.5. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập trường: Quyết định số 10159/QĐ-UBND ngày 9 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát.

- Quyết định công nhận hội đồng trường: QĐ 6968/QĐ-UBND ngày 3 tháng 10 năm 2024 về kiện toàn hội đồng trường phổ thông công lập trên địa bàn huyện Bát Xát, nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ đào tạo		Chức vụ trong Hội đồng trường	Chức vụ trong đơn vị công tác
		Nam	Nữ			Chuyên môn	LLCT		
1	Bùi Thị Hồng Mơ		1984	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Chủ tịch	Hiệu trưởng

2	Vũ Thị Thúy Bình		1975	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó BT chỉ bộ, PHT, Chủ tịch CĐ
3	Lò Văn Xuyên	1978		Giáy	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó Hiệu trưởng
4	Đỗ Thị Phương Hoa		1973	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó Hiệu trưởng
5	Hoàng Thủy Tiên		1985	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Thư ký HĐ, giáo viên
6	Đồng Thị Thu Hương		1981	Kinh		Đại học		Thành viên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn
7	Phạm Thị Thúy Vân		1983	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Thành viên	Tổ trưởng tổ chuyên môn
8	Lý Hương Giang		1973	Giáy	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ 1,2,3
9	Hù Thị Lợi		1988	Giáy	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ 4,5
10	Phạm Thị Hoa		1983	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ CB khối TH
11	Nguyễn Thị Hằng		1987	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Tổng phụ trách đội
12	Bùi Văn Sáu	1973		Kinh	x	Đại học	TC	Phó Chủ tịch	Phó CT UBND xã Bản Qua
13	Phan Thị Thu		1987	Giáy	x			Thành viên	Đại diện Hội CMHS
14	Hồ Thanh Thảo		2010	Giáy				Thành viên	Học sinh
15	Tần Thị Cúc		1990	Dao	x	Đại học		Thành viên	Đại diện Hội CMHS TH

- Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng: QĐ số 10689/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về điều động bổ nhiệm CBQL trường học; Phó hiệu trưởng: QĐ số 10688/QĐ-UBND, 10690/QĐ-UBND, 10686/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức CBQL trường học.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Đảm bảo theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông các nhiều cấp học.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có):

Họ và tên: Bùi Thị Hồng Mơ

Chức vụ: Hiệu trưởng trường TH&THCS Bản Qua – Huyện Bát Xát – Tỉnh Lào Cai

Số điện thoại: 0384600857

Địa chỉ thư điện tử: Buimophinngan@gmail.com

1.6. Một số văn bản khác

- Kế hoạch số 12/KH-THCSBQ ngày 15 tháng 9 năm 2020 của trường TH&THCS Bản Qua kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- QĐ số 101/QĐ-THCSBQ ngày 4 tháng 10 năm 2024 ban hành quy chế thực hiện dân chủ trường TH&THCS Bản Qua năm học 2024-2025.

- Nghị quyết Hội đồng trường (đính kèm theo)

2. THU, CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025

2.1. Tình hình tài chính cơ sở giáo dục trong năm tài chính 2024 và dự toán chi năm 2025.

(Có biểu đính kèm theo)

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Thu học phí: Không

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ trực tiếp cho người học:

+ Tiền nước uống Ro: 7000 Đ/1hs/8 tháng

Tổng thu: 420 học sinh = 23.520.000 đ

- Vận động tài trợ: 22.315.000 đồng

+ Sửa chữa máy tính phòng tin: 2.800.000 đồng

+ Sửa chữa hệ thống điện: 10.515.000 đồng

+ Thay mới cửa xếp cầu thang, sửa cánh cửa lớp học: 4.000.000 đồng

+ Hỗ trợ các hoạt động giáo dục:

Chi cho các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, Nghiên cứu KHCN: 5.000.000 đồng

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Hỗ trợ chi phí học tập: 38 hs x 750 = 28.500 đồng cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh thuộc thôn xã khu vực III.

- Miễn học phí đối với 100% học sinh.

II. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GDPT

1. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				BDTX		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Kh á	Đạt	CĐ	HT	C H T
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		33			31	1	1		16	13		32	1	-	-	33	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	25			25				14	11		24	1	-	-	20	0
1	Thể dục	2			2					1							
2	Âm nhạc	2			2				1	1							
3	Mỹ thuật	2			2					2							
4	Tin học	1			1					1							
5	Tiếng Anh	2			2				1	1							
6	Ngữ Văn	2			2					2							
7	Lịch sử	0															
8	Địa lý	0															
9	Toán học	2			2				1	1							
10	Vật lý	0															
11	Hóa học	0															
12	Sinh học	1			1				1								
13	GDCD	0															
14	Công nghệ	0															
15	Tiểu học	11			11												
II	Cán bộ quản lý	4			4				2	2		4	-	-	-	4	0
1	Hiệu trưởng	1			1					1							
2	Phó hiệu trưởng	3			3				2	1							

III	Nhân viên	5			2	1	2									4	0
1	Nhân viên văn thư	1			1												
2	Nhân viên kế toán	1			1	1											
3	Thủ quỹ	0															
4	Nhân viên y tế (HĐ)	1					1										
5	Nhân viên thư viện	1					1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0															
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0															
9	...																

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ HỌC LIỆU DÙNG CHUNG

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	1,42 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	31,6 HS/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	17	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Khối phòng hành chính – quản trị	10	
8	Bình quân lớp/phòng học	1	1/1
9	Bình quân học sinh/lớp	420	31,6HS/lớp

III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9.858.3	40m ² /1HS (Vượt mức tối thiểu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2700	20% Tổng diện tích (thiếu 5%)
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	42, 45	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	42, 45	
3	Diện tích thư viện (m ²)	20, 45	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	220	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	45	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
	Khối lớp 1	2	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 2	2	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 3	2	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 4	2	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 5	2	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 6	1	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 7	1	Đạt mức tối thiểu
	Khối lớp 8+9	2	Đạt mức tối thiểu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
	Khối lớp 1,2,3,4,5	5	
	Khối lớp 6	1	
	Khối lớp 7	1	
	Khối lớp 8+9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	Vườn thuốc nam	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)			44	2 HS/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác				Số thiết bị/trường	
1	Ti vi			22		
2	Bảng tương tác			01		
3	Đầu Video/đầu đĩa/loa			0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			5		
5	Thiết bị khác...					
6						
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
XI	Nội dung			Số lượng		So sánh
	Danh mục SGK tối thiểu			03 bộ/1 khối		Đạt mức tối thiểu cho CBGVNVHS

3. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá của nhà trường: Đạt mức 2. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm từng bước nâng cao chất lượng.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024 (đính kèm theo)
- Năm 2021 nhà trường được công nhận KĐCL mức 2, Chuẩn Quốc Gia mức độ I.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1		x	x	
Tiêu chí 2		x	x	
Tiêu chí 3		x	x	x
Tiêu chí 4		x	x	x

Tiêu chí 5		x	x	
Tiêu chí 6		x	x	
Tiêu chí 7		x	x	
Tiêu chí 8		x	x	
Tiêu chí 9		x	x	
Tiêu chí 10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	
Tiêu chí 5		x	x	
Tiêu chí 6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	
Tiêu chí 5		x	x	x
Tiêu chí 6		x	x	

4. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

4.1. Thông tin về KHGD của năm học 2024-2025

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2024-2025

(Đăng trên websidle nhà trường: thcsbanqua.batxat.thongke.edu.vn)

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục)

(Đăng trên websidle nhà trường: thcsbanqua.batxat.thongke.edu.vn)

- Các loại hồ sơ khác

+ Các loại kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh...

+ Cam kết phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh

+ Các quy định của nhà trường.

....

(Được đính kèm và lưu trữ đảm bảo theo quy định)

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của học kỳ I năm học 2024 – 2025.

a) Kết quả tuyển sinh:

Số lớp, học sinh

- Tổng số: 15 lớp = 422 học sinh. Cụ thể:

Khối 1: 02 lớp = 47 HS.

Khối 2: 02 lớp = 54 HS.

Khối 3: 02 lớp = 58 HS.

Khối 4: 02 lớp = 54 HS.

Khối 5: 02 lớp = 52 HS.

Khối 6: 01 lớp = 37 HS.

Khối 7: 01 lớp = 29 HS.

Khối 8: 01 lớp = 36 HS.

Khối 9: 02 lớp = 53 HS.

- Trong đó: Học sinh Dân tộc: 328 (77,7%)

Học sinh nữ: 184 (43,6%)

Học sinh nữ dân tộc: 153 (36,3%)

- Tuyển mới: 43/43 (trong đó 05 HS đỗ PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát)

b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông (Chất lượng kỳ I)

- Chất lượng chung toàn trường:

Khối Tiểu học:

Khối	Tổng số học sinh	Học tập			
		HTXS	HTT	HT	CHT
1	47	11	9	23	4
2	54	13	9	32	
3	57	11	14	30	2
4	54	11	12	30	1
5	52	2	18	28	4
Tổng	264	48	62	143	11
%		18,2	23,5	54,2	4,1

Khối THCS:

Lớp	TSHS	Học tập				Rèn luyện				Khen thưởng	
		Tốt	Khá	Đạt	CD	Tốt	Khá	Đạt	CD	G	XS
6	37	4	13	19	1	22	10	5	1		
7	29	6	9	14	0	16	10	2	1		
8	37	4	18	15	0	25	10	2	0		
9A	28	3	14	11	0	21	5	2	0		
9B	27	3	13	10	1	19	4	3	1		
Tổng	158	20	67	69	2	103	39	14	3		
%		12,7	42,4	43,6	1,3	65,1	24,1	8,9	1,9		

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm khác, các chỉ tiêu đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo thường niên về công tác công khai của trường TH&THCS Bản Qua./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Bùi Thị Hồng Mơ